Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký:

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08 /2026/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2026*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC và Thông tư số 18/2025/TT-BTC, Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC và Thông tư số 18/2025/TT-BTC, Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi

Thông tư số 68/2024/TT-BTC, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC.

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 96/2020/TT-BTC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 68/2024/TT-BTC, THÔNG TƯ SỐ 18/2025/TT-BTC

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 25 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 2 Thông tư số 18/2025/TT-BTC

"8. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không thanh toán tiền mua cổ phiếu cho công ty chứng khoán theo quy định tại các khoản 6, 7, 8 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC, công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức thực hiện đặt lệnh giao dịch phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này ngay trong ngày nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho công ty chứng khoán theo quy định.".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 33 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2, khoản 3 Điều 2 Thông tư số 18/2025/TT-BTC

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

"a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này, ngoại trừ trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện chuyển quyền sở hữu theo quy định tại điểm q2 khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2020/TT-BTC, các điểm c, d khoản 9 Điều 16 Thông tư số 121/2020/TT-BTC.

Trường hợp công ty chứng khoán thực hiện bán cổ phiếu nhận về trên tài khoản tự doanh trên hệ thống giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 9 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC và điểm đ khoản 9 Điều 16 Thông tư 121/2020/TT-BTC, việc miễn trừ công bố thông tin được áp dụng cho giao dịch thực hiện trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày cổ phiếu về tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán quy định tại các khoản 7, 8 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC, các điểm c, d khoản 9 Điều 16 Thông tư số 121/2020/TT-BTC.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

"8. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán phải công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thông báo cho tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch khi giá trị giao dịch trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá, bao gồm trường hợp chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 24 giờ kể từ các thời điểm sau đây:

a) Hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu về tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán theo quy định tại các khoản 7, 8 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC, các điểm c, d khoản 9 Điều 16 Thông tư số 121/2020/TT-BTC;

b) Công ty chứng khoán hoàn tất việc bán cổ phiếu theo quy định tại khoản 9 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC, điểm đ khoản 9 Điều 16 Thông tư 121/2020/TT-BTC.".

Điều 3. Thay thế Phụ lục XVII

Thay thế Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC bằng Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 120/2020/TT-BTC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 68/2024/TT-BTC

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 6

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Nhà đầu tư tuân thủ quy định sau:

a) Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán là thành viên giao dịch để thực hiện giao dịch chứng khoán; đối với nhà đầu tư nước ngoài không cư trú, việc đặt lệnh giao dịch chứng khoán được thực hiện thông qua tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện bằng số hiệu tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài hoặc do nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện bằng tài khoản giao dịch của chính mình;

b) Kể từ ngày hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm được triển khai thực hiện, nhà đầu tư phải có tài khoản ký quỹ bù trừ tại thành viên bù trừ trước khi thực hiện giao dịch

chứng khoán. Việc mở tài khoản ký quỹ bù trừ của nhà đầu tư thực hiện theo pháp luật về bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.".

2. Sửa đổi bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Nhà đầu tư chỉ được mở 01 tài khoản ký quỹ bù trừ tại thành viên bù trừ tương ứng với mỗi tài khoản giao dịch chứng khoán, ngoại trừ một số trường hợp theo pháp luật về bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Công ty chứng khoán nước ngoài, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài được mở 02 tài khoản giao dịch chứng khoán tại mỗi công ty chứng khoán như sau:

a) 01 tài khoản giao dịch chứng khoán để thực hiện hoạt động giao dịch của chính công ty;

b) 01 tài khoản giao dịch chứng khoán để thực hiện hoạt động quản lý giao dịch của khách hàng của công ty.".

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 7

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

"b) Công ty chứng khoán chỉ được nhập lệnh vào hệ thống giao dịch chứng khoán khi nhà đầu tư đã đáp ứng yêu cầu về ký quỹ bù trừ theo quy định pháp luật về bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Công ty chứng khoán có trách nhiệm kiểm soát việc đặt lệnh tại công ty mình đối với giao dịch cùng mua, cùng bán trong cùng một đợt giao dịch khớp lệnh định kỳ của nhà đầu tư khi nhận lệnh và nhập lệnh của khách hàng vào hệ thống giao dịch chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Công ty chứng khoán nước ngoài, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài được phép sử dụng tài khoản giao dịch quy định tại điểm b khoản 7 Điều 6 Thông tư này để đặt lệnh vừa mua vừa bán cùng một mã chứng khoán trong từng đợt khớp lệnh (định kỳ hoặc liên tục) hoặc giao dịch thỏa thuận, nhưng phải đảm bảo nguyên tắc lệnh mua và lệnh bán chứng khoán không phải của cùng một nhà đầu tư nước ngoài.".

Điều 6. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 9a được bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư số 68/2024/TT-BTC

"1a. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không thanh toán tiền mua cổ phiếu cho công ty chứng khoán theo quy định tại các khoản 6, 7, 8 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC, các công ty chứng khoán nơi

nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư phải đảm bảo việc đặt lệnh mua cổ phiếu của nhà đầu tư được thực hiện như sau:

a) Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không được đặt lệnh giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh trong thời hạn 07 ngày giao dịch liên tục kể từ ngày liền kề sau ngày nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không thực hiện nghĩa vụ thanh toán giao dịch theo quy định;

b) Trong vòng 30 ngày giao dịch liên tục, nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức có ngày phát sinh vi phạm nghĩa vụ thanh toán lần thứ ba đối với giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh, nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không được đặt lệnh giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh trong thời hạn 180 ngày liên tục kể từ ngày giao dịch liền kề sau ngày nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức phát sinh vi phạm nghĩa vụ thanh toán lần thứ ba;

c) Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam thông báo cho các công ty chứng khoán thành viên về việc nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức phải có đủ tiền trên tài khoản lưu ký khi đặt lệnh mua cổ phiếu trong thời gian nhà đầu tư đó không được giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền theo quy định tại các điểm a, b khoản này sau khi nhận được văn bản thông báo của Tổng công ty lưu lý và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không thực hiện nghĩa vụ thanh toán giao dịch theo quy định.".

Chương III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 121/2020/TT-BTC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 68/2024/TT-BTC

Điều 7. Bổ sung khoản 6 Điều 2

"6. *Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện* là tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài được đại diện cho nhà đầu tư nước ngoài không cư trú sử dụng số hiệu tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài để đặt lệnh giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài.".

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 4

"5. Có trách nhiệm ký hợp đồng với khách hàng hoặc tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng, tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện.".

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 13

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Dữ liệu về tài khoản môi giới của khách hàng mở tài khoản tại công ty chứng khoán, dữ liệu về giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài sử dụng số hiệu tài khoản lưu ký để giao dịch chứng khoán thông qua tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện tại công ty chứng khoán phải được quản lý tập trung và phải lưu giữ dự phòng tại địa điểm khác.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 như sau:

"d) Nhận lệnh giao dịch với người không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của người đứng tên tài khoản bằng văn bản, trừ trường hợp nhà đầu tư nước ngoài sử dụng số hiệu tài khoản lưu ký để giao dịch chứng khoán thông qua tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện; thanh toán giao dịch với người không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của người đứng tên tài khoản bằng văn bản.".

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 14

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Công ty chứng khoán có nghĩa vụ cập nhật các thông tin thay đổi của khách hàng khi khách hàng hoặc tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện có yêu cầu.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Công ty chứng khoán phải ký hợp đồng mở tài khoản giao dịch với khách hàng trừ trường hợp quy định tại Điều 15a Thông tư này. Công ty chứng khoán phải trực tiếp thực hiện giao dịch chứng khoán cho khách hàng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động này.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Công ty chứng khoán phải theo dõi chi tiết tiền và chứng khoán của từng khách hàng, cung cấp thông tin về số dư, số phát sinh tiền và chứng khoán cho khách hàng khi khách hàng yêu cầu, trừ trường hợp khách hàng mở tài khoản lưu ký tại thành viên lưu ký không phải là thành viên giao dịch.".

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15

"1. Để thực hiện giao dịch mua, bán chứng khoán cho khách hàng, công ty chứng khoán phải làm thủ tục mở tài khoản giao dịch cho từng khách hàng trên cơ sở hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán với khách hàng, trừ trường hợp quy định tại Điều 15a Thông tư này. Khách hàng chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin nhận biết khách hàng khi mở tài khoản giao dịch chứng khoán. Hợp đồng mở tài khoản phải đáp ứng các quy định hiện hành và có các nội dung tối thiểu theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.".

Điều 12. Bổ sung Điều 15a vào sau Điều 15

"Điều 15a. Sử dụng số hiệu tài khoản lưu ký để giao dịch chứng khoán

1. Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện sử dụng số hiệu tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài để đặt lệnh giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài không cư trú tại công ty chứng khoán.

2. Công ty chứng khoán phải thực hiện nhận biết nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

3. Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện sử dụng số hiệu tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài để thực hiện giao dịch mua, bán chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài trên cơ sở hợp đồng giữa tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện và công ty chứng khoán.

4. Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện có trách nhiệm cung cấp thông tin của nhà đầu tư nước ngoài, thông tin về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài khi công ty chứng khoán, cơ quan nhà nước có yêu cầu.

5. Hợp đồng giữa công ty chứng khoán và tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

a) Thỏa thuận về việc nhận lệnh, đặt lệnh giao dịch chứng khoán;

b) Thoả thuận về giá dịch vụ giao dịch chứng khoán và chi phí khác phát sinh khi thực hiện giao dịch;

c) Thỏa thuận về việc xác thực nhà đầu tư nước ngoài, xác thực tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện, xác nhận lệnh giao dịch trước khi nhập lệnh vào hệ thống giao dịch;

d) Việc cung cấp thông tin của nhà đầu tư nước ngoài, thông tin về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài khi công ty chứng khoán, cơ quan nhà nước có yêu cầu;

đ) Việc xác nhận thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền của nhà đầu tư với công ty chứng khoán khi thực hiện giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh;

e) Thoả thuận về nghĩa vụ thanh toán giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức trong trường hợp nhà đầu tư không có đủ tiền và các chi phí phát sinh khác (nếu có);

g) Thỏa thuận về nghĩa vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng và các bên có liên quan (nếu có).

6. Khi nhận lệnh giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài qua tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện, công ty chứng khoán,

tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện phải thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Công ty chứng khoán phải có biện pháp để xác định, đối chiếu đảm bảo lệnh được nhận từ tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện mà tổ chức này là một bên của hợp đồng theo quy định tại khoản 5 Điều này; đảm bảo ghi nhận đầy đủ thông tin tại thời điểm nhận lệnh, lưu giữ bằng chứng chứng minh về việc đặt lệnh, xác nhận lệnh do tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện đặt lệnh cho nhà đầu tư nước ngoài để tra cứu khi cần thiết;

b) Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện có biện pháp đảm bảo ghi nhận đầy đủ thông tin, bằng chứng về việc đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài để tra cứu khi cần thiết.".

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 16

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Công ty chứng khoán nhận lệnh giao dịch của khách hàng hoặc tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện theo một trong các hình thức sau:

a) Nhận phiếu lệnh trực tiếp tại quầy giao dịch;

b) Nhận lệnh từ xa qua điện thoại, fax, internet, điện swift và các đường truyền khác.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Công ty chứng khoán chỉ được thực hiện lệnh giao dịch khi lệnh giao dịch có đầy đủ và chính xác các thông tin về khách hàng, phương thức, loại lệnh, ngày giao dịch, thời gian nhận lệnh, mã chứng khoán, số lượng và giá giao dịch. Lệnh giao dịch của khách hàng phải được công ty chứng khoán ghi nhận thời gian (ngày, giờ, phút) nhận lệnh tại thời điểm nhận lệnh.

Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện giao dịch qua tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện, công ty chứng khoán được thực hiện lệnh giao dịch khi lệnh giao dịch có đầy đủ và chính xác thông tin về số hiệu tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài, thông tin về tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện, phương thức, loại lệnh, ngày giao dịch, thời gian nhận lệnh, mã chứng khoán, số lượng và giá giao dịch. Lệnh giao dịch của khách hàng phải được công ty chứng khoán ghi nhận thời gian (ngày, giờ, phút) nhận lệnh tại thời điểm nhận lệnh.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Công ty chứng khoán phải thông báo kết quả thực hiện lệnh giao dịch cho khách hàng hoặc tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện ngay sau khi lệnh được khớp theo phương thức do khách hàng hoặc tổ

chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện và công ty chứng khoán thỏa thuận trong hợp đồng.".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 được bổ sung bởi khoản 2 Điều 3 Thông tư số 68/2024/TT-BTC như sau:

"9. Công ty chứng khoán khi nhận lệnh mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức theo quy định tại Điều 9a Thông tư số 120/2020/TT-BTC phải tuân thủ:

a) Hạn mức nhận lệnh mua cổ phiếu được xác định theo quy định tại khoản 10 Điều này;

b) Công ty chứng khoán không được nhận lệnh mua cổ phiếu của chính công ty chứng khoán, cổ phiếu của công ty mẹ của chính công ty chứng khoán, cổ phiếu của các công ty con có cùng công ty mẹ với công ty chứng khoán mà các công ty con này đang sở hữu cổ phiếu của công ty chứng khoán đó, cổ phiếu của công ty khác mà công ty chứng khoán không được sở hữu theo quy định pháp luật có liên quan, ngoại trừ trường hợp công ty chứng khoán có Hợp đồng thỏa thuận với công ty chứng khoán khác về việc nhận chuyển quyền sở hữu số cổ phiếu này theo quy định tại khoản 9a Điều này;

c) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không thanh toán tiền mua cổ phiếu cho công ty chứng khoán theo quy định tại các khoản 6, 7, 8 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC đối với các cổ phiếu mà công ty chứng khoán đã nhận lệnh mua tại điểm b khoản này thì công ty chứng khoán được đề nghị Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện chuyển quyền sở hữu số cổ phiếu này, quyền phát sinh từ số cổ phiếu này (nếu có) từ tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức về tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán khác theo Hợp đồng thỏa thuận giữa công ty chứng khoán và công ty chứng khoán khác;

d) Việc chuyển quyền sở hữu tại điểm c khoản này được thực hiện qua hệ thống chuyển quyền sở hữu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hoàn tất trong thời gian quy định tại các khoản 7, 8 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC;

đ) Công ty chứng khoán khác được bán cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán đối với số cổ phiếu nhận về trên tài khoản tự doanh theo quy định tại các điểm c, d khoản này và thực hiện các thỏa thuận theo Hợp đồng quy định tại khoản 9a Điều này.".

5. Bổ sung khoản 9a sau khoản 9 như sau:

"9a. Hợp đồng giữa công ty chứng khoán với công ty chứng khoán khác về việc thỏa thuận nhận chuyển quyền sở hữu số cổ phiếu không được thực hiện thanh toán theo quy định tại khoản 9 Điều này bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Thỏa thuận về quyền và trách nhiệm của các bên khi phát sinh trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với các cổ phiếu nêu tại điểm b khoản 9 Điều này;

b) Thỏa thuận về việc bán chứng khoán được nhận chuyển quyền sở hữu từ nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; các chi phí phát sinh khi thực hiện giao dịch này;

c) Thỏa thuận về việc áp dụng các biện pháp trong trường hợp việc nhận chuyển nhượng dẫn đến vượt quá hạn mức đầu tư của công ty chứng khoán.".

Điều 14. Bổ sung khoản 8, khoản 9 vào sau khoản 7 Điều 28 được bổ sung bởi khoản 3 Điều 3 Thông tư số 68/2024/TT-BTC

1. Bổ sung khoản 8 như sau:

"8. Trường hợp công ty chứng khoán khác thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 16 Thông tư này dẫn đến vượt quá hạn mức đầu tư quy định tại các điểm a, c, d, đ, e và g khoản 4 Điều này, công ty chứng khoán khác không được nhận lệnh mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, không được ký kết, thực hiện Hợp đồng thỏa thuận nhận chuyển quyền sở hữu số cổ phiếu không được thực hiện thanh toán cho đến khi đáp ứng hạn mức đầu tư và phải áp dụng các biện pháp cần thiết trong thời hạn tối đa 01 năm để tuân thủ hạn mức đầu tư.".

2. Bổ sung khoản 9 như sau:

"9. Công ty chứng khoán khác thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 16 Thông tư này phải đảm bảo tuân thủ quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.".

Điều 15. Thay thế Biểu II.4 Phụ lục II

Thay thế Biểu II.4 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 121/2020/TT-BTC bằng Biểu II.4 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 02 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới.

3. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, các Sở giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, thành viên lưu ký, ngân hàng thanh toán và tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Công báo;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Lưu: VT, UBCK (50 b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

Phụ lục II

MẪU BÁO CÁO CHI TIẾT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, KINH DOANH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

(Kèm theo Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Biểu II.4 Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán, số lượng nhà đầu tư giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán

quý/6 tháng/năm

TT	Loại khách hàng	Số lượng tài khoản		Số lượng tài khoản có phát sinh giao dịch trong kỳ
		Trong kỳ	Tăng/Giảm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	**I. Trong nước**			
2	1. Cá nhân			
3	2. Tổ chức			
4	**II. Nước ngoài**			
5	1. Cá nhân			
6	1.1. Cá nhân có tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán			
7	1.2. Cá nhân không có tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán, thực hiện giao dịch chứng khoán qua tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện			
8	1.3. Cá nhân có tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán, thực hiện giao dịch chứng khoán qua tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện			
9	2. Tổ chức			
10	2.1. Tổ chức có tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán			

11	2.2.Tổ chức không có tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán, thực hiện giao dịch qua tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện			
12	2.3. Tổ chức có tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán, thực hiện giao dịch chứng khoán qua tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện			
13	**Tổng (I + II)**			

Ghi chú:

- Cột (3), (4), (5), (6): Nhập theo định dạng số "Number". Trường hợp số âm thì để trong ngoặc đơn ( ).

Phụ lục XVII

BÁO CÁO VỀ VIỆC THANH TOÁN GIAO DỊCH MUA CỔ PHIẾU KHÔNG YÊU CẦU CÓ ĐỦ TIỀN KHI ĐẶT LỆNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI LÀ TỔ CHỨC

(Kèm theo Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: .../BC-	*....., ngày.....tháng.....năm.....*

BÁO CÁO

Về việc thanh toán giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Công ty chứng khoán (CTCK)..... báo cáo về việc nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không thực hiện thanh toán tiền cho CTCK trong thời hạn theo quy định tại các khoản 6, 7, 8 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC như sau:

1. Thông tin về nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức *(áp dụng với nhà đầu tư đặt lệnh qua tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại CTCK):*

- Tên tổ chức:

- Quốc gia:

- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ pháp lý tương đương), ngày cấp, nơi cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Mã số giao dịch chứng khoán:

- Tài khoản giao dịch chứng khoán:

- Tài khoản lưu ký chứng khoán:

2. Thông tin về nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện (*áp dụng với nhà đầu tư đặt lệnh theo quy định tại Điều 15a Thông tư số 121/2020/TT-BTC)*

- Mã số giao dịch chứng khoán:

- Tài khoản lưu ký chứng khoán:

- Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện:

+ Tên tổ chức:

+ Quốc gia:

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ pháp lý tương đương), ngày cấp, nơi cấp:

+ Địa chỉ trụ sở chính:

3. Ngày đặt lệnh giao dịch:

4. Thông tin chi tiết

TT	**Mã cổ phiếu**	**Thông tin chi tiết**								
		Tổng số lượng cổ phiếu khớp lệnh: … (cổ phiếu)				**Tổng giá trị cổ phiếu khớp lệnh:** … (triệu đồng)				**Ghi chú**
		Phần được nhà đầu tư thanh toán	Phần được CTCK thanh toán		Phần không được thanh toán	Phần được nhà đầu tư thanh toán	Phần được CTCK thanh toán		Phần không được thanh toán	Tên CTCK khác
			Chứng khoán về tài khoản tự doanh của CTCK	Chứng khoán về tài khoản tự doanh của CTCK khác			Chứng khoán về tài khoản tự doanh của CTCK	Chứng khoán về tài khoản tự doanh của CTCK khác		
1										
2										

Số liệu tại ngày giao dịch liền kề sau ngày thanh toán theo quy định của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cho giao dịch được đặt lệnh tại ngày nêu tại mục 3.

5. Nguyên nhân nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không thực hiện nghĩa vụ thanh toán (nếu có):

NGƯỜI LẬP	**PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN KIỂM SOÁT NỘI BỘ**	**(TỔNG) GIÁM ĐỐC**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*